

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 – 41



## CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh... của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 06 ngày 07/03/2017.

*Cơ cấu tổ chức:*

Công ty có 04 công ty con và 02 công ty liên kết, chi tiết như sau:

	Tên đơn vị	Địa chỉ
	<i>Công ty con</i>	
-	<i>Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc</i>	<i>Khu Đồi Gộc, thôn Nội, Xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc</i>
-	<i>Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước</i>	<i>Khu 7, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước</i>
-	<i>Công ty cổ phần công nghệ CRC</i>	<i>Số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Hà Nội</i>
-	<i>Công ty cổ phần liên doanh phát triển năng lượng CRC</i>	<i>BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội</i>
	<i>Công ty liên kết</i>	
-	<i>Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco</i>	<i>Khu 8, Xã Vũ Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ</i>
-	<i>Công ty CP SX và Cung ứng VL Xây dựng Kotum (*)</i>	<i>Số 494, đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kontum, tỉnh Kontum</i>
-	<i>Công ty TNHH Trường Sơn</i>	<i>Xóm Khang Đình, xã Yên Mông, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình</i>

(\*): Từ ngày 18/07/2019, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty cổ phần SX và cung ứng VLXD Kontum.

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm: Bán hàng hóa (mủ cao su, hạt điều, dầu điều...); Sản xuất gạch; Cho thuê nhà...

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                        |                            |
|------------------------|----------------------------|
| - Ông Mai Anh Tám      | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Bà Dương Thị Huyền   | Ủy viên Hội đồng quản trị  |
| - Ông Hoàng Trung Kiên | Ủy viên Hội đồng quản trị  |
| - Ông Nguyễn Lâm Tùng  | Ủy viên Hội đồng quản trị  |
| - Ông Đặng Việt Phương | Ủy viên Hội đồng quản trị  |

#### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| - Ông Mai Anh Tám    | Tổng Giám đốc     |
| - Bà Dương Thị Huyền | Phó Tổng Giám đốc |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                        |            |                               |
|------------------------|------------|-------------------------------|
| - Bà Phạm Thị Huế      | Trưởng ban |                               |
| - Ông Nguyễn Tuấn Linh | Thành viên |                               |
| - Ông Đặng Tiến Sỹ     | Thành viên | Miễn nhiệm từ ngày 25/05/2019 |
| - Bà Hà Thị Hiền       | Thành viên | Bổ nhiệm từ ngày 25/05/2019   |

### SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2020

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



**Mai Anh Tâm**

**Tổng Giám đốc**

Số: 27/2020/BCKT-CPAMB1

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019.***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 08/04/2020 từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

1797  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
VIỆT NAM  
CHÍNH  
NH  
Đ  
C  
KIỂM TOÁN  
VIỆT NAM

## Vấn đề khác

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Hà Nội. Báo cáo kiểm toán số: 2.0405/19/TC-AC phát hành ngày 10/04/2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM –  
CHI NHÁNH MIỀN BẮC



Tg

NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1

NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2272-2018-137-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>310.297.363.922</b>	<b>238.839.703.048</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>9.571.296.647</b>	<b>19.519.565.823</b>
1. Tiền	111		9.571.296.647	13.249.565.823
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.270.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>33.000.000.000</b>	<b>35.853.226.849</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	33.000.000.000	35.853.226.849
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>164.750.011.378</b>	<b>107.571.125.428</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	69.030.718.528	2.770.415.158
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	39.613.905.590	84.895.172.780
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.1	2.520.000.000	5.358.879.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7.1	51.418.294.848	14.639.635.320
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(92.976.830)	(92.976.830)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.10	2.260.069.242	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>101.545.379.897</b>	<b>74.873.964.198</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.9	101.545.379.897	74.873.964.198
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.430.676.000</b>	<b>1.021.820.750</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	-	3.342.803
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.430.676.000	1.018.477.947
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>94.406.101.726</b>	<b>108.825.957.167</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>400.000.000</b>	<b>28.205.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.2	400.000.000	400.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.7.2	-	27.805.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.121.918.313</b>	<b>19.727.855.785</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	23.121.918.313	19.727.855.785
- Nguyên giá	222		32.872.139.938	27.339.384.865
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.750.221.625)	(7.611.529.080)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>732.418.022</b>	<b>3.410.811.946</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	732.418.022	3.410.811.946
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>68.688.889.440</b>	<b>56.785.422.912</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		59.593.889.440	40.190.422.912
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.625.000.000	14.125.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.470.000.000	2.470.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.462.875.951</b>	<b>696.866.524</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	1.407.647.652	663.918.551
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	55.228.299	32.947.973
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>404.703.465.648</b>	<b>347.665.660.215</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2019

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2019	01/01/2019
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>231.187.149.273</b>	<b>155.132.166.394</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>228.321.089.264</b>	<b>150.945.695.050</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	49.096.521.807	6.885.247.874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3.469.000.000	3.726.773.993
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	659.435.795	2.971.150.276
4. Phải trả người lao động	314		38.897.862	41.626.337
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.251.676.431	54.388.895
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	10.167.065.042	5.200.480.257
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	161.638.492.327	132.066.027.418
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.866.060.009</b>	<b>4.186.471.344</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		158.348.009	30.119.344
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	2.707.712.000	4.156.352.000
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>173.516.316.375</b>	<b>192.533.493.821</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>173.516.316.375</b>	<b>192.533.493.821</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.266.487.502	21.111.923.911
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.937.024.169	8.900.146.675
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.329.463.333	12.211.777.236
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		604.223.948	10.775.964.985
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>404.703.465.648</b>	<b>347.665.660.215</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020



NGUYỄN VIỆT GIÁP

Người lập



VŨ THỊ THUÝ

Kế toán trưởng



MAI ANH TÁM

Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	404.671.176.864	240.981.195.347
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.22</b>	<b>404.671.176.864</b>	<b>240.981.195.347</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	394.419.553.973	221.523.333.222
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>10.251.622.891</b>	<b>19.457.862.125</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	8.047.747.162	11.375.150.480
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	6.861.993.848	7.544.699.801
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.496.417.819	6.531.333.984
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		38.688.629	403.418.398
9. Chi phí bán hàng	25	VI.26	1.699.864.600	3.396.277.506
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.26	2.352.759.115	3.569.265.420
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7.423.441.119</b>	<b>16.726.188.276</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.28	390.239.676	8.466
13. Chi phí khác	32	VI.28	1.558.990.040	619.034.174
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.168.750.364)</b>	<b>(619.025.708)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.254.690.755</b>	<b>16.107.162.568</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	903.335.749	3.289.796.473
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.27	(22.280.327)	37.832.240
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.373.635.333</b>	<b>12.779.533.855</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.387.495.059	12.211.777.236
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		(13.859.726)	567.756.619
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	359	814
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		359	814

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020



**NGUYỄN VIỆT GIÁP**  
Người lập



**VŨ THỊ THỦY**  
Kế toán trưởng



**MAI ANH TÂM**  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.254.690.755	16.107.162.568
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.626.928.467	3.612.938.378
- Các khoản dự phòng	03	-	27.893.049
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	300.835.011	872.146.056
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.141.025.241)	(11.310.496.676)
- Chi phí lãi vay	06	6.496.417.819	6.531.333.984
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	7.537.846.811	15.840.977.359
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(16.572.741.474)	(14.787.336.488)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(26.671.415.699)	(1.750.241.361)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	44.023.214.333	(37.993.882.139)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(740.386.298)	(548.768.972)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.381.292.636)	(6.531.333.984)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.210.386.871)	(4.423.322.045)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(38.688.629)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(2.053.850.463)</b>	<b>(50.193.907.630)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.899.759.635)	(5.316.828.009)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	654.545.455	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.405.172.856)	(7.828.879.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	56.097.278.705	5.951.773.151
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(65.940.000.000)	(1.900.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26.821.913.959	25.732.063.543
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.279.166.921	2.422.884.059
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(32.392.027.451)</b>	<b>19.061.013.744</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	389.674.829.189	313.480.101.692
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(361.852.212.529)	(279.145.420.078)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.325.190.000)	(2.349.050.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>24.497.426.660</b>	<b>31.985.631.614</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	<b>(9.948.451.254)</b>	<b>852.737.728</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.519.565.823	18.666.828.095
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	182.078	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>9.571.296.647</b>	<b>19.519.565.823</b>

NGUYỄN VIỆT GIÁP  
Người lập

VŨ THỊ THUY  
Kế toán trưởng

MẠI ANH TÂM  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 06 ngày 07/03/2017.

*Cơ cấu tổ chức:*

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có 04 công ty con và 02 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Chi tiết	Vốn điều lệ theo GCNĐKKD		Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019		
	Vốn điều lệ theo GCNĐKKD	Tỷ lệ vốn theo ĐKKD (%)	Vốn góp thực tế tại Công ty LD, LK, công ty con	Giá trị vốn góp của Công ty	Tỷ lệ vốn góp thực tế
<i>Công ty con</i>					
<i>Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc</i>	30.000.000.000	98%	30.000.000.000	29.400.000.000	98%
<i>Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước (*)</i>	10.000.000.000	95%	180.000.000	180.000.000	100%
<i>Công ty cổ phần công nghệ CRC (**)</i>	2.000.000.000	95%	50.000.000	-	-
<i>Công ty cổ phần liên doanh phát triển năng lượng CRC (**)</i>	30.000.000.000	55%	30.000.000	-	-
<i>Công ty liên kết</i>					
<i>Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco</i>	60.000.000.000	49%	61.130.000.000	29.400.000.000	48,09%
<i>Công ty TNHH Trường Sơn</i>	40.000.000.000	45%	40.000.000.000	18.000.000.000	45%

(\*) Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước đang được hợp nhất theo tỷ lệ 100% vào Báo cáo hợp nhất;

(\*\*) Công ty cổ phần công nghệ CRC, Công ty cổ phần liên doanh phát triển năng lượng CRC chưa được hợp nhất vào báo cáo hợp nhất do Công ty chưa góp vốn.

#### Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

*Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.*

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

#### **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Công ty có trụ sở tại 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 48 người, trong đó có 3 người là cán bộ quản lý.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

**Kỳ kế toán năm của Công ty:** được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

**Đồng tiền sử dụng trong kế toán:** Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

### III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### **Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC và Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

#### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do công ty mẹ nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Các công ty con** được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

#### Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

*Công ty liên kết* là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Kế toán trên máy vi tính.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam.

#### Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Chi phí sản xuất kinh doanh, Chi phí khác, Tài sản, Vốn bằng tiền, Các khoản phải trả, Các khoản phải thu.

Trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có liên quan đến doanh thu nhận trước, hoặc nhận trước tiền của người mua: Doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

- + Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Khoản nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Các khoản phải trả, khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Trường hợp trong năm phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

#### Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ:

- + Đối với các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay gốc ngoại tệ là USD được quy đổi theo tỷ giá mua vào và tỷ giá bán ra của Ngân hàng đơn vị mở tài khoản hoặc phát sinh khoản vay.
- + Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả được quy đổi theo tỷ giá mua vào và bán ra của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31/12/2019.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư khác và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

*Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác:*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Hàng tồn kho (Tiếp theo)

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* *Kê khai thường xuyên.*  
*Phương pháp xác định giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm:* *Bình quân gia quyền.*  
*Mù cao su:* *Đích danh*

*Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:* Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng nhà máy sản xuất gạch ngói chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất năm các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 25 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm dây chuyền đóng gói và công trình Nhà ù đất. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sản xuất.

#### Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí trả trước về công cụ dụng cụ và chi phí bảo hiểm được phân bổ trong thời hạn 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa goòng, chi phí khấu hao tài sản được phân bổ trong thời hạn từ 24 tháng đến 36 tháng. Chi phí san lấp mặt bằng phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 421 tháng; Chi phí chạy thử nhà ù đất, chi phí sửa chữa goong được phân bổ trong thời gian 36 tháng;

#### Nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

#### Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, khế ước nhận nợ.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính là trích trước chi phí dịch vụ gia công mù cao su và chi phí lãi vay phải trả.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: *Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.*

#### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31/12/2019 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối từ năm trước.

#### Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa (*mủ cao su, hạt điều, dầu điều, gạch...*) được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

##### Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê nhà...) được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi, từ khoản cổ tức được chia, lãi chênh lệch tỷ giá và thu nhập từ việc nhượng bán cổ phần.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận bằng chênh lệch giữa giá mua và giá bán cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã xuất bán. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có).

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ. Lỗ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các khoản chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...*), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, các chi phí kiểm nghiệm, xếp dỡ, vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa, thành phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (*điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...*); chi phí bằng tiền khác (*tiếp khách...*).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**Thuế****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

**Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ; Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng; và giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Việc hoàn nhập các chênh lệch tạm thời được khấu trừ dẫn đến sự giảm trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty sẽ chỉ được hưởng lợi ích kinh tế dưới hình thức giảm trừ các khoản nộp thuế nếu có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể bù trừ với phần giảm trừ đó. Do vậy Công ty chỉ ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Thuế (Tiếp theo)

##### Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Tiếp theo)

Việc có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ được coi là chắc chắn khi có đủ các chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến cùng một cơ quan quản lý thuế của Công ty.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất áp dụng cho năm tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

		31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	(i)	5.243.832.421	1.320.599.536
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	4.327.464.226	11.928.966.287
Các khoản tương đương tiền		-	6.270.000.000
<b>Cộng</b>		<b>9.571.296.647</b>	<b>19.519.565.823</b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2019 bao gồm:

	VND
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam	5.020.364.034
Công ty cổ phần Gạch Ngói Vĩnh Phúc	130.964.386
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước	92.504.001
<b>Cộng</b>	<b>5.243.832.421</b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2019 bao gồm:

	USD	VND
<b>Tiền gửi VND</b>		<b>4.075.712.589</b>
Công ty cổ phần Gạch Ngói Vĩnh Phúc		36.613.842
+ Ngân hàng NN & PTNN Việt Nam - CN Vĩnh Phúc		825.285
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên		35.148.545
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công		640.012
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước		1.729.114
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước		1.729.114
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam		4.037.369.633
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thăng Long		1.509.346
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		303.129.898
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sở giao dịch		12.675.768
+ Ngân hàng NN & PTNN Việt Nam - CN Tây Hồ		389.807
+ Ngân hàng nn & PTNN Việt Nam - CN Hồng Hà		36.278.445
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình		3.665.486.221
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		13.844.746
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin - CN Thăng Long		1.920.922
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công		2.134.480
<b>Tiền gửi USD</b>		<b>251.751.637</b>
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam		251.751.637
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	286,77	6.627.255
+ Ngân hàng NN & PTNN Việt Nam - CN Tây Hồ	290,05	6.708.856
+ Ngân hàng NN & PTNN Việt Nam - CN Hồng Hà	5.870,21	135.777.957
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	3.030,31	70.030.464
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.138,60	26.309.630
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	272,50	6.297.475
<b>Cộng</b>	<b>10.888,44</b>	<b>4.327.464.226</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính****2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Tiền gửi ủy của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty (i)</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>34.853.226.849</b>	<b>34.853.226.849</b>
Ông Mai Anh Tâm - Chủ tịch HĐQT	-	-	15.981.226.849	15.981.226.849
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung - CEO Công ty	-	-	12.272.000.000	12.272.000.000
Ông Nguyễn Việt Giáp - CEO Công ty (ii)	19.000.000.000	19.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ông Nguyễn Quang Huy - Nhân viên Công ty	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-
Bà Bùi Minh Hằng	-	-	2.600.000.000	2.600.000.000
<b>Tiền gửi đứng tên Công ty</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>35.853.226.849</b>	<b>35.853.226.849</b>

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2903/NQ/HĐQT/2017 ngày 29/03/2017 ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm và thế chấp các khoản tiết kiệm này để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

(ii) Khoản ủy thác cho Ông Nguyễn Việt Giáp với số tiền 6.000.000.000 đồng thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân

**2.2 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	59.593.889.440	-	40.190.422.912	-
Đầu tư vào đơn vị khác	6.625.000.000	-	14.125.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.470.000.000	-	2.470.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>68.688.889.440</b>	<b>-</b>	<b>56.785.422.912</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**2.2.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2019		01/01/2019			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Gốm sứ Haseco	41.589.903.014	-	41.589.903.014	20.025.514.262	-	20.025.514.262
Công ty TNHH Trường Sơn	18.003.986.426	-	18.003.986.426	-	-	-
Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum	-	-	-	20.164.908.650	-	20.164.908.650
<b>Cộng</b>	<b>59.593.889.440</b>	<b>-</b>	<b>59.593.889.440</b>	<b>40.190.422.912</b>	<b>-</b>	<b>40.190.422.912</b>

Giá trị phần sở hữu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại công ty liên kết như sau:

	Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty cổ phần gốm sứ Haseco	Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum
<b>Công ty liên kết</b>			
Giá trị phần sở hữu đầu năm	-	20.025.514.262	20.164.908.650
Lãi lỗ trong năm	3.986.426	34.702.203	-
Trích lập các quỹ	-	-	-
Giá trị phần tăng thêm/ chuyển nhượng	18.000.000.000	21.500.000.000	(14.940.000.000)
Tăng/giảm khác	-	29.686.549	(5.224.908.650)
<b>Giá trị phần sở hữu cuối năm</b>	<b>18.003.986.426</b>	<b>41.589.903.014</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**2.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2019		01/01/2019	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	Gốm sứ	17,43%	6.625.000.000	17,43%	6.625.000.000
Công ty TNHH Trường Sơn	Gạch ngói	-	-	18,75%	7.500.000.000
<b>Cộng</b>			<b>6.625.000.000</b>		<b>14.125.000.000</b>
<b>2.2.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>					
Trái phiếu Ngân hàng NN & PTNNVN (*)			31/12/2019		01/01/2019
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)			500.000.000		500.000.000
<b>Cộng</b>			<b>1.970.000.000</b>		<b>1.970.000.000</b>
<b>Cộng</b>			<b>2.470.000.000</b>		<b>2.470.000.000</b>

(\*) Công ty mua 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất thả nổi

(\*\*) Công ty mua 197 trái phiếu với giá mua 1.970.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất thả nổi; Trái phiếu đang được thế chấp tại Ngân hàng ĐT và PTVN - Chi nhánh Mỹ Đình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng****3.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	48.706.831.890	-
Công ty cổ phần công nghệ EMP	7.894.499.000	-
S.RUAMTHAI CO,LTD	2.943.170.640	-
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	2.090.000.000	-
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	2.922.253.910	1.650.000.000
Công ty TNHH TM Cao su An Bình	1.587.050.000	-
Các khách hàng khác	2.886.913.088	1.120.415.158
<b>Cộng</b>	<b>69.030.718.528</b>	<b>2.770.415.158</b>

**3.2 Phải thu khách hàng với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**4. Phải thu về cho vay****4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Tạ Quang Mạnh (i)	-	5.358.879.000
Trương Thị Vĩnh (ii)	1.160.000.000	-
Nguyễn Thị Huyền (iii)	1.360.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.520.000.000</b>	<b>5.358.879.000</b>

- (i) Hợp đồng số 03/2018/HĐV ngày 01/04/2018, số tiền vay tối đa 6.000.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất 8%/năm, trả gốc 6 tháng 1 lần, trả tiền lãi cuối kỳ.
- (ii) Hợp đồng vay số 01/2019 - HĐVP ngày 01/10/2019, số tiền vay tối đa 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 8%/năm.
- (iii) Hợp đồng vay số 02/2019 - HĐVP ngày 01/10/2019, số tiền vay tối đa 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 8%/năm.

**4.2 Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát (i)	400.000.000	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>

- (i) Theo thỏa thuận ngày 26/07/2017, Công ty hợp tác với công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng lượng môi trường Đại Phát để thực hiện dự án "Cấp nhiệt cho hệ thống sấy cao su thay thế nhiên liệu dầu DO tại nhà máy chế biến cao su Hiệp Hưng tại xã Kon Đào, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum". Thời gian hợp tác tính từ ngày Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng lượng môi trường Đại Phát nhận đủ tiền vốn góp cho đến hết vòng đời dự án. Công ty được hoàn trả gốc dần trong 60 tháng và được chia đều trong 20 quý, tương ứng số tiền 25.000.000 VND/Quý và sẽ trả với lãi suất là 10% trên số dư nợ giảm dần.

**4.3 Phải thu khác với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5. Trả trước cho người bán****5.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Ông Phạm Văn Lộc (*)	13.879.279.476	16.598.338.521
Bà Doãn Thị Thảo	-	11.454.077.521
Bà Vũ Thị Toan	-	10.757.396.112
Bà Võ Thị Thiệp	-	10.079.605.144
Công ty TNHH Giấy An Lộc	4.997.599.784	8.064.786.603
Nguyễn Văn Đăng (*)	10.651.682.694	5.930.608.500
Công ty cổ phần chè Minh Thịnh	2.400.000.000	-
Công ty CP TMDV Nhật Minh Xanh	1.804.599.740	-
Các nhà cung cấp còn lại	5.880.743.896	22.010.360.379
<b>Cộng</b>	<b>39.613.905.590</b>	<b>84.895.172.780</b>

(\*): Theo hợp đồng mua mù cao su với các cá nhân, Công ty sẽ phải thanh toán trước 90% giá trị lô hàng ngay sau khi thống nhất đơn giá mua bán.

**5.2. Trả trước người bán với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**6. Nợ xấu**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Nợ phải thu khó đòi</i>				
Công ty CP Vật liệu nhẹ Thăng Long	92.976.830	-	92.976.830	-
<b>Cộng</b>	<b>92.976.830</b>	<b>-</b>	<b>92.976.830</b>	<b>-</b>

**7. Các khoản phải thu khác****7.1. Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
<b>Tạm ứng</b>	<b>7.859.807.200</b>	<b>6.677.876.800</b>
Ông Lê Quang Thạch (i)	6.168.547.000	5.223.876.800
Bà Trương Thị Vĩnh (ii)	906.000.000	-
Ông Mai Văn Thế - Tiền tạm ứng	-	1.454.000.000
Các đối tượng khác	785.260.200	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>43.558.487.648</b>	<b>7.961.758.520</b>
Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	-	3.942.534.116
Ông Mai Anh Tám - Lãi tiền gửi HĐUT	-	115.422.850
Bà Hà Thị Hiến - tiền chuyển nhượng cổ phần	-	3.076.123.200
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung - Lãi tiền gửi HĐ ủy thác	-	677.477.893
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Nam BP (iii)	27.104.836.724	-
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần (iv)	16.212.680.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	240.970.924	150.200.461
<b>Cộng</b>	<b>51.418.294.848</b>	<b>14.639.635.320</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****7. Các khoản phải thu khác (Tiếp theo)****7.1. Phải thu khác ngắn hạn**

- (i) Tạm ứng dự án đầu tư Nhà máy sản xuất gạch, ngói công nghệ mới lò xoay công suất lớn tại khu công nghiệp Minh Quân, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.
- (ii) Tạm ứng tiền mua đất cho Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc
- (iii) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01-2019/HĐNT/KD-TN-CRC giữa Công ty CP Create Capital Việt Nam và Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Thành Nam BP thực hiện đầu tư và kinh doanh dự án Kinh doanh sản phẩm nông sản.
- (iv) Hợp đồng chuyển nhượng số 04-15/2019/HĐCNCP/VLXDKT chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kontum.

**7.2. Phải thu khác dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long (v)	-	27.805.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b>27.805.000.000</b>

- (v) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/CCV-NTL ngày 02/04/2011 và phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/CCV-NTL ngày 15/01/2014. Công ty góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long để đầu tư thực hiện dự án: "Xây dựng chức năng hỗn hợp dịch vụ công cộng, nhà trẻ và nhà ở căn hộ". Trong năm 2019, Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam đã thu hồi toàn bộ vốn góp hợp tác kinh doanh Công ty cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long.

**8. Chi phí trả trước****8.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
- Bảo hiểm	-	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	3.342.803
<b>Cộng</b>	-	<b>3.342.803</b>

**8.2. Chi phí trả trước dài hạn**

- Công cụ dụng cụ	28.196.273	43.192.128
- Chi phí san lấp mặt bằng	428.679.455	-
- Nhà ủ đất chạy thử	601.670.269	-
- Chi phí sửa chữa Gông	347.756.201	620.726.423
- Chi phí khác	1.345.454	-
<b>Cộng</b>	<b>1.407.647.652</b>	<b>663.918.551</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****9. Hàng tồn kho**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38.882.876.173	-	42.782.576.564	-
Công cụ dụng cụ	2.364.091	-	2.364.091	-
Chi phí SXKD dở dang	9.132.368.072	-	11.453.740.587	-
Thành phẩm	16.407.743.965	-	13.366.001.842	-
Hàng hoá	37.120.027.596	-	7.269.281.114	-
<b>Cộng</b>	<b>101.545.379.897</b>	<b>-</b>	<b>74.873.964.198</b>	<b>-</b>

Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

Tên công ty	Loại hàng gửi	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Cao su Hiệp Hưng	Mủ cao su, cao su thành phẩm	-	5.587.923.634
Công ty Cổ phần Cao Su Bình Dương	Mủ cao su, cao su thành phẩm	-	44.748.735.250
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Mủ cao su, cao su thành phẩm	479.861.399	-
Công ty TNHH Giấy An Lộc	Mủ cao su, cao su thành phẩm	56.136.359.342	-
Ông Nguyễn Văn Đàng	Mủ cao su	16.457.655.850	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Nam BP	Nhân điều	8.680.276.278	-

**10. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Xăng, dầu	7.407	114.428.106	-	-
Than pha	2.414.646	1.084.175.894	-	-
Than cám	1.000.438	1.061.465.242	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.422.491</b>	<b>2.260.069.242</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Đây là phần than, dầu nhà cung cấp giao hàng không đạt tiêu chuẩn về phẩm cấp, hai bên đang làm thủ tục hoàn đổi lại hàng hóa theo đúng phẩm cấp đã thỏa thuận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****II. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	10.764.255.252	14.628.245.067	1.946.884.546	-	-	27.339.384.865
Mua trong năm	-	560.000.000	-	-	-	560.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.536.127.628	3.694.011.946	-	-	-	6.230.139.574
Tăng khác	140.678.272	-	-	-	-	140.678.272
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(641.677.273)	-	-	(641.677.273)
Giảm khác	(615.707.228)	(140.678.272)	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>12.825.353.924</b>	<b>18.741.578.741</b>	<b>1.305.207.273</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>32.872.139.938</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	3.218.019.990	3.798.896.091	594.612.999	-	-	7.611.529.080
Khấu hao trong năm	857.670.502	1.482.725.863	286.532.102	-	-	2.626.928.467
Hao mòn	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	4.239.455	-	-	-	-	4.239.455
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(313.785.541)	-	-	(313.785.541)
Giảm khác	(174.450.381)	(4.239.455)	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>3.905.479.566</b>	<b>5.277.382.499</b>	<b>567.359.560</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.750.221.625</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2019	7.546.235.262	10.829.348.976	1.352.271.547	-	-	19.727.855.785
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>8.919.874.358</b>	<b>13.464.196.242</b>	<b>737.847.713</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.121.918.313</b>

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

343.022.591 đồng

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng:

-

-

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:

10.672.025.652 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****12. Tài sản dở dang dài hạn****12.1 Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2019	01/01/2019
- Công trình nhà máy gạch Kim Xá	-	3.410.811.946
- Công trình nhà ủ đất	522.418.022	-
- Dây chuyền đóng gói	210.000.000	-
- Tài sản dở dang khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>732.418.022</b>	<b>3.410.811.946</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ giao dịch nội bộ Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
Số đầu năm	32.947.973	173.126.094
Phát sinh trong năm	34.383.641	545.455
Hoàn nhập trong năm	(12.103.315)	(140.723.576)
Số cuối năm	55.228.299	32.947.973

**14. Phải trả người bán****14.1 Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Sơn Đạt	1.184.152.110	1.184.152.110	1.184.152.110	1.184.152.110
Công ty cổ phần Cầu Đuống	1.189.300.000	1.189.300.000	1.189.300.000	1.189.300.000
Công ty TNHH Vật liệu làm nhà PLD	-	-	1.594.879.049	1.594.879.049
Công ty TNHH Trường Sáng	442.826.425	442.826.425	442.826.425	442.826.425
Công ty TNHH SX TM Thành Nam BP	28.399.207.976	28.399.207.976	-	-
Công ty TNHH Trường Sơn	4.580.184.113	4.580.184.113	-	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Simex Việt Nam	7.737.364.775	7.737.364.775	-	-
Công ty CP CRC SOLAR CELL	1.980.000.000	1.980.000.000	-	-
Công ty TNHH Thế Vinh Vĩnh Phúc	1.154.810.378	1.154.810.378	1.154.810.378	1.154.810.378
Phải trả cho các đối tượng khác	2.428.676.030	2.428.676.030	1.319.279.912	1.319.279.912
<b>Cộng</b>	<b>49.096.521.807</b>	<b>49.096.521.807</b>	<b>6.885.247.874</b>	<b>6.885.247.874</b>

**14.2 Phải trả người bán với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Trường Sơn	-	-	2.258.773.993	2.258.773.993
Công ty TNHH Vạn Lợi	1.435.000.000	1.435.000.000	1.435.000.000	1.435.000.000
Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp nặng MICO	172.000.000	172.000.000	-	-
Công ty cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh	1.862.000.000	1.862.000.000	-	-
Công ty TNHH XNK Italia Lưu Kim	-	-	33.000.000	33.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.469.000.000</b>	<b>3.469.000.000</b>	<b>3.726.773.993</b>	<b>3.726.773.993</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****16.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	-	45.839.911	5.026.009	40.813.902
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.853.697.776	903.474.188	3.210.386.871	546.785.093
Thuế thu nhập cá nhân	117.452.500	-	117.452.500	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	147.983.808	76.147.008	71.836.800
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	299.484.803	299.484.803	-
<b>Cộng</b>	<b>2.971.150.276</b>	<b>1.396.782.710</b>	<b>3.708.497.191</b>	<b>659.435.795</b>

**17. Chi phí phải trả**

	31/12/2019	01/01/2019
- Chi phí dịch vụ xuất khẩu, cước điện thoại	-	38.006.247
- Chi phí gia công mù cao su	3.120.168.600	-
- Chi phí lãi vay	131.507.831	16.382.648
<b>Cộng</b>	<b>3.251.676.431</b>	<b>54.388.895</b>

**18. Phải trả khác****18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Kinh phí công đoàn	7.404.845	7.404.845	7.404.845	7.404.845
- Bảo hiểm xã hội	-	-	20.807.658	20.807.658
- Các khoản phải trả, phải nộp khác + Công ty CP Sản xuất cung ứng	10.159.660.197	10.159.660.197	5.172.267.754	5.172.267.754
Vật liệu Xây dựng Kontum	459.460.397	459.460.397	21.317.754	21.317.754
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả	9.325.760.000	9.325.760.000	5.150.950.000	5.150.950.000
+ Nhận ký quỹ Công ty TNHH	33.000.000	33.000.000	-	-
XNK ITALIA Lưu Kim	341.439.800	341.439.800	-	-
+ Phải trả khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.167.065.042</b>	<b>10.167.065.042</b>	<b>5.200.480.257</b>	<b>5.200.480.257</b>

**18.2 Phải trả khác với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

## 19. Vay và nợ thuê tài chính

## 19.1. Các khoản vay

	01/01/2019		Phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	129.987.851.418	129.987.851.418	389.976.037.438	358.325.396.529	161.638.492.327	161.638.492.327
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thăng Long	59.886.774.589	59.886.774.589	78.620.266.154	138.507.040.743	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	67.288.991.148	67.288.991.148	200.259.236.456	188.050.243.289	79.497.984.315	79.497.984.315
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà	-	-	67.862.163.460	17.811.077.945	50.051.085.515	50.051.085.515
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	-	34.234.031.673	5.848.215.789	28.385.815.884	28.385.815.884
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	2.812.085.681	2.812.085.681	9.000.339.695	8.108.818.763	3.703.606.613	3.703.606.613
Vay dài hạn đến hạn trả	2.078.176.000	2.078.176.000	-	2.078.176.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch I	724.320.000	724.320.000	-	724.320.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	1.353.856.000	1.353.856.000	-	1.353.856.000	-	-
Vay dài hạn	4.156.352.000	4.156.352.000	-	1.448.640.000	2.707.712.000	2.707.712.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch I	1.448.640.000	1.448.640.000	-	1.448.640.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	2.707.712.000	2.707.712.000	-	-	2.707.712.000	2.707.712.000
<b>Cộng</b>	<b>136.222.379.418</b>	<b>136.222.379.418</b>	<b>389.976.037.438</b>	<b>361.852.212.529</b>	<b>164.346.204.327</b>	<b>164.346.204.327</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

20. *Vốn chủ sở hữu*

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quy đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	150.000.000.000	633.993.682	27.045.751.600	18.653.707.886	196.333.453.168
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	12.211.777.236	567.756.619	12.779.533.855
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	(7.500.000.000)	(985.633.529)	(8.485.633.529)
Phân phối quỹ	-	10.645.604.925	(10.645.604.925)	-	-
Giảm khác	-	(633.993.682)	-	(7.459.865.991)	(8.093.859.673)
<b>Số dư cuối năm trước/đầu năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>10.645.604.925</b>	<b>21.111.923.911</b>	<b>10.775.964.985</b>	<b>192.533.493.821</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	5.387.495.059	(13.859.726)	5.373.635.333
Tăng khác	-	-	791.739.861	18.083.673	809.823.534
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	(9.395.828.000)	(9.395.828.000)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	(7.500.000.000)	-	(7.500.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	(7.524.671.328)	-	-
Giảm khác	-	-	-	(780.136.985)	(8.304.808.313)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>10.645.604.925</b>	<b>12.266.487.502</b>	<b>604.223.948</b>	<b>173.516.316.375</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Ông Mai Anh Tâm	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	135.000.000.000	135.000.000.000	-	135.000.000.000	135.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>-</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2019	Năm 2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.500.000.000	7.500.000.000
Cổ phiếu:		
	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**21. Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
Dollar Mỹ (USD)	10.888,44	510.727,03

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>404.671.176.864</b>	<b>240.981.195.347</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	308.412.231.336	104.084.953.546
Doanh thu thành phẩm	93.915.309.168	106.527.120.978
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	1.900.000.000	30.198.211.735
Doanh thu cho thuê tài sản	443.636.360	170.909.088
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>404.671.176.864</b>	<b>240.981.195.347</b>
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>308.412.231.336</i>	<i>104.084.953.546</i>
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>93.915.309.168</i>	<i>106.527.120.978</i>
<i>Doanh thu thuần xây dựng, lắp đặt</i>	<i>1.900.000.000</i>	<i>30.198.211.735</i>
<i>Doanh thu thuần cho thuê tài sản</i>	<i>443.636.360</i>	<i>170.909.088</i>

**23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn của hàng hoá đã bán	306.546.309.655	102.486.601.368
Giá vốn của thành phẩm đã bán	86.068.698.858	89.975.717.907
Giá vốn hợp đồng xây dựng, lắp đặt	1.750.000.000	29.033.741.217
Giá vốn cho thuê tài sản	54.545.460	27.272.730
<b>Cộng</b>	<b>394.419.553.973</b>	<b>221.523.333.222</b>

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền vay	1.347.673.272	3.379.309.056
Lãi chênh lệch tỷ giá	233.375.644	50.811.288
Cổ tức nhận được	3.948.227.487	-
Lãi thanh lý khoản đầu tư	2.518.470.759	7.944.511.413
Doanh thu tài chính khác	-	518.723
<b>Cộng</b>	<b>8.047.747.162</b>	<b>11.375.150.480</b>

**25. Chi phí tài chính**

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền vay	6.496.417.819	6.531.333.984
Lỗ chênh lệch tỷ giá	64.741.018	141.156.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản ngoại tệ	300.835.011	872.146.056
Chi phí tài chính khác	-	63.543
<b>Cộng</b>	<b>6.861.993.848</b>	<b>7.544.699.801</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí cho nhân viên	815.551.704	1.513.359.873
- Chi phí vật liệu quản lý	-	2.625.000
- Chi phí công cụ quản lý	22.981.766	46.030.804
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.310.522	279.980.225
- Thuế, phí và lệ phí	154.060.789	170.982.238
- Chi phí dự phòng	-	27.893.049
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	994.446.428	1.123.145.637
- Chi phí bằng tiền khác	58.407.906	405.248.594
<b>Cộng</b>	<b>2.352.759.115</b>	<b>3.569.265.420</b>

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí cho nhân viên	199.686.000	-
- Chi phí cho vật liệu bao bì	-	93.411.520
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.500.178.600	3.302.865.986
<b>Cộng</b>	<b>1.699.864.600</b>	<b>3.396.277.506</b>

**27. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành****27.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay

	Năm 2019	Năm 2018
	723.954.547	3.289.796.473
	179.381.202	-
<b>Cộng</b>	<b>903.335.749</b>	<b>3.289.796.473</b>

**27.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2019	Năm 2018
	(22.280.327)	37.832.240
<b>Cộng</b>	<b>(22.280.327)</b>	<b>37.832.240</b>

**28. Thu nhập khác và chi phí khác**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Thu nhập khác</b>	<b>390.239.676</b>	<b>8.466</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	188.385.277	-
- Các khoản khác	201.854.399	8.466
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.558.990.040</b>	<b>619.034.174</b>
- Phạt vi phạm hợp đồng	55.152.546	127.335.493
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	33.342.000
- Lãi chậm nộp BHXH	2.657.441	5.139.249
- Thuế bị phạt, bị truy thu	390.697.421	281.133.314
- Khấu hao, chi phí phân bổ giai đoạn ngừng sản xuất để sửa chữa	1.083.565.962	-
- Các khoản khác	26.916.670	172.084.118
<b>Lợi nhuận (lỗ) khác thuần</b>	<b>(1.168.750.364)</b>	<b>(619.025.708)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.057.895.362	93.957.204.653
Chi phí nhân công	1.554.534.608	3.840.109.956
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.599.327.277	3.612.938.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.076.734.102	11.635.864.338
Chi phí khác bằng tiền	976.435.212	980.056.600
<b>Cộng</b>	<b>95.264.926.561</b>	<b>114.026.173.925</b>

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.387.495.059	12.211.777.236
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	5.387.495.059	12.211.777.236
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>359</b>	<b>814</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, sản xuất gạch và đầu tư tài chính. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Chi tiêu	Kinh doanh hàng hóa (mủ cao su, điều..)		Đầu tư tài chính	Tổng cộng
	Sản xuất gạch			
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
- Doanh thu bán ra bên ngoài	5.812.815.885	398.858.360.979	-	404.671.176.864
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>5.812.815.885</b>	<b>398.858.360.979</b>	-	<b>404.671.176.864</b>
<b>Chi phí kinh doanh</b>	<b>4.736.082.799</b>	<b>393.736.094.889</b>	-	<b>398.472.177.688</b>
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	4.104.794.934	390.314.759.039	-	394.419.553.973
- Chi phí bán hàng	199.686.000	1.500.178.600	-	1.699.864.600
- Chi phí QLDN	431.601.865	1.921.157.250	-	2.352.759.115
<b>Kết quả HĐKD</b>	<b>1.076.733.086</b>	<b>5.122.266.090</b>	-	<b>6.198.999.176</b>
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	1.224.441.943	1.224.441.943
- Lợi nhuận khác	-	-	(1.168.750.364)	(1.168.750.364)
- LN/(lỗ) trước thuế	<b>1.076.733.086</b>	<b>5.122.266.090</b>	<b>55.691.579</b>	<b>6.254.690.755</b>

Chi tiêu	Kinh doanh hàng hóa (mủ cao su, điều..)		Đầu tư tài chính	Tổng cộng
	Sản xuất gạch			
<b>Tài sản</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	167.578.228	9.403.718.419	-	9.571.296.647
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	33.000.000.000	33.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.961.303.244	148.859.190.210	8.929.517.924	164.750.011.378
Hàng tồn kho	7.177.588.749	94.367.791.148	-	101.545.379.897
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.430.676.000	-	1.430.676.000
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	400.000.000	400.000.000
Tài sản cố định	22.278.479.451	843.438.862	-	23.121.918.313
Tài sản dở dang dài hạn	522.418.022	210.000.000	-	732.418.022
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	68.688.889.440	-	68.688.889.440
Tài sản dài hạn khác	1.378.105.925	84.770.026	-	1.462.875.951
<b>Tổng tài sản</b>	<b>38.485.473.619</b>	<b>323.888.474.105</b>	<b>42.329.517.924</b>	<b>404.703.465.648</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ ngắn hạn	6.672.715.624	221.648.373.640	-	228.321.089.264
Nợ dài hạn	2.707.712.000	158.348.009	-	2.866.060.009
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>9.380.427.624</b>	<b>221.806.721.649</b>	-	<b>231.187.149.273</b>

**2. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân phối chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Khu vực nội địa	212.269.019.114	114.909.968.025
Khu vực nước ngoài	192.402.157.750	126.071.227.322
<b>Cộng</b>	<b>404.671.176.864</b>	<b>240.981.195.347</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm tài chính năm 2019, công ty liên kết, các cá nhân, công ty liên quan đến các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết tại Công ty được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền lương và phụ cấp	19.992.250	59.863.200
<b>Cộng</b>	<b>19.992.250</b>	<b>59.863.200</b>

Các bên được nhận biết là các bên có liên quan với Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum	Công ty liên kết từ ngày 01/01/2019 đến ngày 18/07/2019
Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/01/2019 đến ngày 03/07/2019
Công ty CP Hăng sơn Đông Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Phụ gia Bê tông Phá lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Khoáng sản và xây dựng Hà Nội	BLQ của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Goldstar Việt Nam	BLQ của thành viên HĐQT
Công ty CP Cao su Hiệp Hưng	BLQ của thành viên HĐQT
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	BLQ của Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	Công ty và các Cổ đông của Cty có ảnh hưởng đáng kể

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
<b>I. Phải thu khách hàng</b>				
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Xuất bán cao su, nhân điều	24.950.545.000	-
		Trả tiền hàng	2.960.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Trả tiền hàng	1.955.340.000	11.498.268.688
		Doanh thu xây lắp	-	6.000.000.000
		Bù trừ công nợ	-	1.046.381.702

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
<b>I. Phải thu khách hàng</b>				
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	BLQ của Chủ tịch HĐQT	Doanh thu xây lắp	1.900.000.000	-
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Bán xe ô tô	654.545.455	-
		Xuất bán than, máy móc	-	30.756.742.049
		Trả tiền hàng	-	33.761.190.247
		Bù trừ công nợ	1.538.773.993	-
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết	Xuất bán hàng hóa	461.489.980	2.015.340.943
		Trả tiền hàng	507.638.934	2.216.875.037
<b>II. Các khoản đầu tư</b>				
Ông Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi tiền đầu tư	15.981.226.849	14.250.000.000
		Ủy thác đầu tư	-	15.900.000.000
		Thu hồi lãi tiền gửi ủy thác	306.147.946	1.178.041.102
		Bán cổ phần cho Công ty	11.440.000.000	-
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Góp vốn vào Trường Sơn	-	1.900.000.000
<b>III. Phải thu khác</b>				
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết	Chi tiền cho mượn	180.000.000	-
		Thu hồi tiền cho mượn	180.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Chuyển tiền cho Kontum	635.000.000	810.000.000
		Cố tức, thu hồi tiền	6.654.500.000	839.445.600
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Chuyển tiền	-	1.190.000.000
		Thu hồi tiền cho mượn	-	1.227.000.000
Bà Dương Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển tiền	80.000.000	-
		Thu hồi tiền	80.000.000	-
<b>IV. Tạm ứng</b>				
Bà Dương Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	220.000.000	-
		Hoàn tạm ứng	220.000.000	-
<b>V. Phải trả người bán</b>				
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Chi phí thuê nhà	27.272.730	36.363.640
		Thanh toán tiền thuê nhà	25.000.000	40.000.000
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Nhập gạch đặc	7.143.500.000	-
		Chuyển trả tiền gạch đặc	3.250.000.000	-
		Bù trừ công nợ	-	6.615.130



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
<b>V. Phải trả người bán</b>				
Công ty cổ phần cao su Hiệp Hưng	BLQ của thành viên HĐQT	Gia công mù cao su Gửi hàng	- -	2.482.857.143 5.587.923.634
Công ty cổ phần Phụ gia Bê tông Phá Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mua hàng hóa	-	305.100.000
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết	Nhập gạch	-	438.900.000
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Nhập tôn, sắt thép Thanh toán tiền	6.474.009.200 4.080.000.000	- -
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	BLQ của Chủ tịch HĐQT	Nhập máy móc thiết bị	1.800.000.000	-
<b>VI. Phải trả khác</b>				
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết	Nhận tiền cho mượn Thanh toán tiền mượn	2.000.000.000 2.000.000.000	- -
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Nhận tiền, bù trừ công nợ Trả tiền, bù trừ công nợ	- 234.367.754	1.352.996.832 1.374.314.586

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
<b>I. Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 03/07/2019	48.706.831.890	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết đến ngày 17/08/2019	2.922.253.910	1.650.000.000
<b>II. Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	-	2.258.773.993
<b>III. Phải thu khác</b>			
Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	-	115.422.850
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	-	3.942.534.116
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	BLQ của Chủ tịch HĐQT	2.090.000.000	-
<b>IV. Phải trả người bán</b>			
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT	20.000.000	-
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	BLQ của Chủ tịch HĐQT	1.980.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết đến ngày 17/08/2019	458.386.237	-
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	4.580.184.113	-
<b>V. Trả trước cho người bán</b>			
Công ty cổ phần Cao Su Hiệp Hưng	BLQ của thành viên HĐQT	1.349.377.963	1.349.377.963
<b>VI. Phải trả phải nộp khác</b>			
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết đến ngày 17/08/2019	459.460.397	21.317.754



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác  
Lãi suất cho vay, giá dịch vụ, hàng hoá của các bên liên quan cung cấp là giá thoả thuận.  
Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2018 đã được kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

NGUYỄN VIỆT GIÁP  
Người lập

VŨ THỊ THỦY  
Kế toán trưởng



MAI ANH TÂM  
Tổng Giám đốc

